

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN Q

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÀNH PHỐ H

Bản án số:19/2019/DS-ST

Ngày: 29/11/2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hữu T.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn V.**

Ông **Nguyễn Văn Đ.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh S.**, cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thủy T.**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 62/2018/TLST - DS ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐST- DS ngày 31/10/2019 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị O.**, sinh năm 1965.

Bị đơn: Chị **Tạ Thị T.**, sinh năm 1984.

Anh **Nguyễn Mạnh T.**, sinh năm 1983.

Đều trú tại: Thôn T, xã S, huyện Q, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị O ngày 18/12/2018 và các tài liệu khác có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Bà Nguyễn Thị O với anh Nguyễn Mạnh T, chị Nguyễn Thị T là chỗ anh em họ hàng với nhau. Ngày 29/7/2011 chị T đến nhà bà hỏi vay một số tiền để lấy hàng tạp hóa bán. Chị T không hỏi vay cụ thể bao nhiêu chỉ hỏi cho vay mấy chục lấy hàng tạp hóa lãi suất 2% tháng. Trong nhà tôi lúc đó có 20.000.000 đồng đã đưa cho chị T và yêu cầu viết giấy vay với nội dung: “ Ngày 29/7/2011, vợ chồng tôi Nguyễn Mạnh T, Tạ Thị T có vay của cô O số tiền là 20.000.000 đồng. Khi nào cần vợ chồng tôi sẽ có trách nhiệm trả lại cho cô” và ký tên người viết giấy Tạ Thị T. Giấy vay tiền không ghi lãi suất và ngày trả. Khi vay chỉ có một mình chị T không biết anh T có biết hay không. Đến nay chị T chưa trả gốc, còn lãi chị T đã trả từ tháng 8 năm 2011 đến hết tháng 3 năm 2012 là 2.800.000 đồng. Từ tháng 4 năm 2012 đến nay chị T không trả lãi. Khoản vay này tôi đề nghị Tòa giải quyết buộc chị T phải trả tôi số tiền gốc là 20.000.000 đồng; Số tiền lãi là 20.000.000 đồng x 91 tháng x 0,075%/tháng = 13.650.000 đồng. Tổng cả hai khoản là 33.650.000 đồng.

Ngày 14/3/2012 chị T, anh T đến nhà tôi vay hỏi vay số tiền 30 triệu đồng nói là để giải quyết công việc, hẹn sau 1 tháng sẽ trả. Anh T và chị T có ký nhận vào Giấy biên nhận vay tiền. Hai bên không thỏa thuận lãi suất.

Nhưng từ đó đến nay, anh T, chị T không thanh toán trả tôi cả gốc và lãi. Tôi đã nhiều lần đến đòi anh T, chị T tiền nhưng không trả. Tôi đã đến nhà anh T nói chuyện với ông H là bố anh T đề nghị giúp đỡ việc anh T, chị T trả lại tiền đã vay tôi nhưng ông H nói không biết và không có trách nhiệm. Anh T nói anh cho vay khối người còn không đòi được có thích thì đi mà kiện. Chính vì vậy mà khi anh T nhận được giấy báo của Tòa không đến Tòa làm việc mà cố tình lẩn tránh dẫn đến vụ án kéo dài.

Nay tôi đề nghị Tòa giải quyết buộc anh T, chị T phải thanh toán trả tôi số tiền vay khoản 1 là 20.000.000 đồng + Số tiền lãi là 20.000.000 đồng x 91 tháng x 0,075%/tháng = 13.650.000 đồng. Tổng cả hai khoản là 33.650.000 đồng. Số tiền vay đợt 2 là 30.000.000 đồng. Tổng cả hai đợt là 63.650.000 đồng.

Bị đơn anh Nguyễn Mạnh T và chị Nguyễn Thị T đã triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án thuộc trường hợp cố tình lẩn tránh.

Tại phiên tòa, bà O giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Chị T và anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Q đã tiến hành thu thập chứng cứ và thông báo thụ lý, thông báo hòa giải và tiến hành lấy lời khai, điều tra, thu thập chứng cứ của các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù anh T, chị T vắng mặt không có lý do nhưng đã được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên việc xét xử đúng theo quy định tại điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đầy đủ các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự cũng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Chị T có vay bà O với số tiền 20 triệu đồng nhưng không trả. Vì số tiền này không ghi hạn trả và lãi suất nên chấp nhận yêu cầu của bà O buộc chị T phải trả bà O số tiền gốc + số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản.

Đối với khoản tiền 30 triệu đồng bà O cho anh T, chị T vay ngày 14/3/2012, do có thời hạn vay là 1 tháng kể từ ngày vay. Thời hiệu khởi kiện bắt đầu tính từ ngày 14/4/2012. Tính đến ngày bà O làm đơn khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện đã quá 3 năm nên bà O chỉ có quyền đòi lại gốc. Tại phiên Tòa bà O chỉ yêu cầu đòi lại gốc là 30 triệu là phù hợp với điều 23 Nghị Quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 471,473,474 Bộ luật Dân sự năm 2005 xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện ngày 18/12/2018 của bà Nguyễn Thị O.

Buộc chị Tạ Thị T phải thanh toán trả bà Nguyễn Thị O số tiền vay gốc là: 20.000.000 đồng+ Số tiền lãi là 20.000.000 đồng x 91 tháng x0,075%/tháng = 13.650.000 đồng. Tổng cả hai khoản là 33.650.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Mạnh T và chị Tạ Thị T phải thanh toán trả bà O số tiền vay lần 2 là 30.000.000 đồng. Tổng cộng cả hai khoản vay là 63.650.000 đồng.

Về án phí anh T, chị T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật. Bà O không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm; Hoàn trả tạm ứng án phí cho bà O.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Mạnh T, chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú và nơi ở thôn T, xã S, huyện Q, thành phố H nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q.

Khi Tòa án nhân dân huyện Q mở phiên tòa xét xử lần 1 thì anh T vắng mặt không có lý do; Phiên tòa lần thứ hai mặc dù anh T, chị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên theo điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về phần Nội dung: Do việc vay mượn tiền diễn ra từ năm 2011, 2012(trước ngày 01/01/2017 nên áp dụng điều 688 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì áp dụng Bộ luật năm 2005 để giải quyết vụ kiện.

Bà Nguyễn Thị O với chị Nguyễn Thị T là hàng xóm láng giềng với nhau. Ngày 29/7/2011 bà cho chị T vay số tiền 20 triệu đồng không ghi lãi suất cũng như không ghi ngày trả. Chị T có ký nhận trong giấy vay tiền. Nay bà O yêu cầu chị T trả bà số tiền gốc và lãi theo quy định của lãi suất cơ bản là phù hợp với nghị quyết 03/2012 ngày 03/12/2012 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao nên chấp nhận yêu cầu này.

Đối với khoản vay Ngày 14/2/2012 của chị T, anh T vay bà O với số tiền 30 triệu đồng, hẹn sau 1 tháng sẽ trả. Nay bà O chỉ yêu cầu anh T chị T trả lại số tiền gốc không yêu cầu tính lãi là phù hợp nghị nên chấp nhận.

Bị đơn anh Nguyễn Mạnh T và chị Nguyễn Thị T đã triệu tập nhiều lần nhưng không đến thuộc trường hợp cố tình lần tránh nên việc xét xử vắng mặt là phù hợp với điều 227,228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về án phí: anh T, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Bà O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tạm ứng án phí cho bà O.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 161, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 471, Điều 473, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử : 1- Chấp nhận đơn khởi kiện ngày 18/12/2018 của bà Nguyễn Thị O.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả bà Nguyễn Thị O số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng. Số tiền lãi là 13.650.000 đồng. Tổng cả hai khoản là 33.650.000 đồng (*ba mươi ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

Buộc chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Mạnh T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền vay ngày 14/2/2012 là 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) .

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 1.682.500 đồng (*một triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; Chị T và anh T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*). Bà O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà O số tiền 1.250.000 đồng (*một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010623 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

Kể từ ngày bà O có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T, chị T không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng anh T, chị T còn phải trả bà O số tiền lãi đối với số tiền chưa trả theo mức lãi suất theo qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản sao bản án hợp lệ.

Nơi gửi:

- Toà án thành phố H;
- VKS huyện Q;
- Thi Hành án Dân sự Q;
- Lưu hồ sơ, dán án;
- Các đương sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu T